

Số: 145/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 251/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Võ Kim T**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. Số định danh cá nhân 052180008387.

- Anh **Nguyễn Lương B**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai**. Số định danh cá nhân 064079001181.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là xã I), tỉnh Gia Lai** vào ngày 05/8/2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** đều cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh chị đã sống ly thân 06 năm, nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 17/8/2010 (nam).

Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 17/8/2010 (nam) cho chị **Võ Kim T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh **Nguyễn Lương B** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** không yêu cầu Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** thỏa thuận anh chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số **0000818** ngày 22 tháng 7 năm 2026 của **Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai**.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2009, ngày 05 tháng 8 năm 2009 Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là xã I), tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2026.

- Về con chung: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 17/8/2010 (nam).

Anh chị thỏa thuận giao con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 17/8/2010 (nam) cho chị **Võ Kim T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh **Nguyễn Lương B** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** thỏa thuận anh chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số **0000818** ngày 22 tháng 7 năm 2026 của **Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai**. Chị **Võ Kim T** và anh **Nguyễn Lương B** đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Phòng THA Khu vực 11;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Hrú;
- Lưu TA, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nay Lu Vinh